

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 481/2019/KDTM-PT

Ngày: 28/5/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng gia công*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Toại.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Văn Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Trinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng gia công*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1699/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2894/2019/QĐPT ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại May mặc T.

Địa chỉ: 273/6/19/24 đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị G; Căn cước công dân số 052170000272, do Cục Cảnh sát cấp ngày 18/03/2019.

Địa chỉ: 273/6/19/24 đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A.

Địa chỉ: 614/16 đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Ron T, Căn cước công dân số 084076000022, do Cục Cảnh sát cấp ngày 15/6/2016.

Địa chỉ: 200/9 đường N, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2017)

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

*** Đại diện Nguyên đơn trình bày:**

Ngày 01/9/2009, nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại May mặc T (Sau đây gọi tắt Công ty T) đã ký hợp đồng gia công Wash quần áo vải các loại số 01/09/HĐGCW với bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A (Sau đây gọi tắt Công ty A) thỏa thuận về việc nguyên đơn giao hàng cho bị đơn gia công, bị đơn nhận hàng tại kho của nguyên đơn ở **B**, Long An (địa chỉ: 100A1 ấp P, xã T, huyện **B**, Long An) và sau khi xong sẽ giao về tại đây cho nguyên đơn; nếu hàng gia công chưa đạt yêu cầu thì bị đơn nhận về làm lại; hàng mất mát, hư hỏng thì mức đền bù là 150.000đ/sản phẩm (một trăm năm chục ngàn đồng); hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 31/12/2009; nếu quá trình thực hiện hợp đồng không có gì thắc mắc thì hợp đồng này có hiệu lực thêm 01 (một) năm nữa tức là đến ngày 31/12/2010.

Hai bên đã giao dịch theo thỏa thuận hợp đồng gia công trên hơn 05 (năm) năm (từ tháng 9/2009 đến tháng 3/2015). Đến tháng 3/2015, Công ty A đã vi phạm thỏa thuận và gây thiệt hại cho Công ty T cụ thể như sau:

Ngày 27/01/2015 và 12/02/2015, Công ty T giao hàng gia công Wash cho Công ty A số lượng lần lượt là 2.045 quần và 2.841 quần, tổng cộng 4.886 quần. Theo thỏa thuận, bị đơn đã nhận số hàng này tại kho **B**, Long An và vào ngày 27/02/2015 sau khi gia công xong thì phải giao về tại đây nhưng đến ngày 27/02/2015 bị đơn đã không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng. Đến ngày 03/3/2015 và ngày 04/3/2015 bị đơn mới giao lại hàng gia công xong cho nguyên đơn lần lượt là 708 quần và 513 quần, tổng cộng 1.221 quần; nguyên đơn nhiều lần liên lạc với bị đơn giải quyết số hàng giao còn thiếu là 3.665 quần nhưng không có phản hồi.

Trước đó, ngày 05/12/2014, bị đơn xuất sai hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) cho nguyên đơn với số tiền 32.102.400đ (ba mươi hai triệu một trăm lẻ hai ngàn bốn trăm đồng) mà lẽ ra số tiền cần thanh toán phải là 28.472.400đ (hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm đồng), dẫn đến chênh lệch số tiền 3.630.000đ (ba triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng) bị đơn hứa sẽ cân trừ vào đợt hàng tiếp theo nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa hoàn trả. Ngoài ra, ngày 26/11/2014 nguyên đơn giao hàng yêu cầu bị đơn gia công wash 102 quần; ngày 27/12/2014 tiếp tục giao thêm 1.088 quần để gia công; ngày 09/01/2014 bị đơn giao trả lại nguyên đơn số hàng là 1.081 quần nên số hàng chưa giao cho nguyên đơn là 109 quần. Cũng trong ngày 09/01/2014 nguyên đơn giao tiếp cho bị đơn gia công số hàng là 2.046 quần, ngày 27/01/2014 bị đơn giao lại nguyên đơn số hàng đã gia công là 2.016 quần, còn giữ lại của nguyên đơn 30 quần.

Tổng cộng số hàng bị đơn còn giữ của nguyên đơn là: $3.665 + 109 + 30 = 3.804$ quần. Theo quy định của hợp đồng gia công thì số tiền bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn là: $3.804 \text{ quần} \times 150.000\text{đ/sản phẩm} = 570.600.000\text{đ}$ (năm trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) nhiều lần nguyên đơn liên hệ bị đơn thanh

toán nhưng đến nay bị đơn không trả đồng nào. Vào ngày 02/4/2015 và 16/4/2015, nguyên đơn và bị đơn có các buổi hòa giải tại UBND phường M, Quận 12, ông Thủy đại diện cho bị đơn yêu cầu nguyên đơn cử người đến Công ty A để kiểm tra hàng, bị đơn sẽ xuất hóa đơn để nguyên đơn thanh toán tiền rồi bị đơn mới giao hàng. Điều này là trái với thỏa thuận và thói quen trong giao dịch kinh doanh giữa hai bên từ trước đến nay; đặc biệt là mặt hàng Wash nguyên đơn cần có thời gian kiểm tra từng sản phẩm nên không thể thực hiện theo đề xuất của bị đơn.

Ngày 30/5/2016 tại đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền chuyển dư theo hóa đơn VAT là 3.630.000đ (ba triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng) và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 04/3/2015 đến ngày xét xử là: $574.230.000đ \times \text{lãi suất nợ quá hạn } 1,125\%/\text{tháng} \times 44,87 \text{ tháng} = 289.864.126đ$ (hai trăm tám mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm hai mươi sáu đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là: $570.600.000đ + 3.630.000đ = 574.230.000đ$ (năm trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

Đối với yêu cầu phản tố ngày 01/11/2016 của bị đơn thì nguyên đơn nêu ý kiến: Nguyên đơn đồng ý thanh toán phí gia công còn nợ bị đơn đã gia công xong và đã giao cho nguyên đơn 5.984 quần là: 84.834.000đ (tám mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng) cho đợt hàng ngày 27/01/2015 và 12/02/2015. Riêng số tiền lưu kho, bảo quản 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) bị đơn lưu giữ hàng không giao nhưng lại yêu cầu nguyên đơn thanh toán thì nguyên đơn không đồng ý vì không có cơ sở do bị đơn vẫn chưa hoàn tất việc giao hàng tới kho của bên nguyên đơn và chưa xuất hóa đơn.

*** Đại diện Bị đơn trình bày:**

Bị đơn xác nhận quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng gia công wash với nguyên đơn nêu trên là chính xác. Tuy nhiên, theo quy định của hợp đồng gia công thì ngày 31/12/2010 là ngày hợp đồng hết hiệu lực nên kể từ ngày này các thỏa thuận trước kia không còn ràng buộc quyền và nghĩa vụ của mỗi bên nữa. Đến năm 2014, nguyên đơn tiếp tục nhờ bị đơn gia công wash nhưng không có lập bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào liên quan đến địa điểm giao và nhận hàng gia công giữa hai công ty. Nhưng mỗi lần gia công thì bị đơn đến lấy hàng tại kho của nguyên đơn và khi hàng gia công xong thì nguyên đơn đến lấy hàng tại kho của bị đơn và giao tiền. Tại buổi hòa giải ngày 16/4/2015 ở UBND phường M, bị đơn chấp nhận giao số lượng hàng 3.588 sản phẩm theo phương thức: Nguyên đơn phải cử đại diện đến kho của bị đơn để kiểm tra hàng, bị đơn xuất hóa đơn, nguyên đơn giao tiền, các thỏa thuận từ năm 2014 trở về trước không tính vì đã thỏa thuận xong.

Nay bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngược lại bị đơn có đơn yêu cầu phản tố ngày 01/11/2016 buộc nguyên đơn trả cho bị đơn: Tiền gia công hàng còn nợ 122.952.000đ (một trăm hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng) và tiền lưu kho, bảo quản 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng), tổng cộng là 217.952.000đ (hai trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng) bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả một lần bằng tiền mặt ngay khi nhận lại hàng hóa từ kho hàng của bị đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại May mặc T số tiền 574.230.000đ (năm trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

2. Buộc nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại May mặc T phải thanh toán cho bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A số tiền 84.834.000đ (tám mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày một bên có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên kia chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

3. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đòi tính lãi trên số nợ gốc đối với bị đơn do nguyên đơn rút yêu cầu.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí tổng cộng là: 33.625.100đ (ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn một trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phản tố 5.448.800đ (năm triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0023141 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 nên bị đơn phải nộp thêm số tiền án phí là: 28.176.300đ (hai mươi tám triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm đồng).

Nguyên đơn phải chịu án phí là: 4.241.700đ (bốn triệu hai trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.422.532đ (hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm ba mươi hai đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0023901 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 nên nguyên đơn phải nộp thêm số tiền án phí là: 1.819.168đ (một triệu tám trăm mười chín ngàn một trăm sáu mươi tám đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/12/2018, Công ty A nộp đơn kháng cáo (nộp đơn qua Bưu điện) kháng cáo về phần thủ tục tố tụng Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên. Lý do: Trước khi khai mạc phiên tòa Hội đồng xét xử đã ngồi làm việc với đại diện nguyên đơn tại phòng làm việc của chủ tọa phiên tòa, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện bị đơn đề nghị thay đổi tất cả thành viên Hội đồng xét xử nhưng không được chấp nhận nên

đại diện bị đơn bỏ về. Vì vậy bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- Bà Trần Thị Thúy Ái- phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung bản án sơ thẩm do Hội đồng xét xử tóm tắt là đúng như bản án sơ thẩm và không có đương sự nào cung cấp thêm chứng cứ mới. Xét Tòa án nhân dân Quận 12, thụ lý giải quyết tranh chấp về hợp đồng gia công, giữa Công ty T với Công ty A là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Việc đại diện bị đơn trình bày trước khi khai mạc phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm ngồi làm việc với đại diện nguyên đơn tại phòng làm việc của chủ tọa phiên tòa (có cả kiểm sát viên).

Xét, việc trình bày nêu trên của đại diện bị đơn, nếu có cũng không vi phạm pháp luật vì những người tiến hành tố tụng tiếp đương sự tại phòng làm việc. Mặt khác bị đơn cũng không chứng minh được nội dung việc tiếp xúc của những người tiến hành tố tụng với đại diện nguyên đơn là vi phạm pháp luật. Việc đại diện bị đơn, sau khi đề nghị thay đổi tất cả thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm nhưng không được chấp nhận, đã tự ý rời khỏi phòng xét xử là không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng của đương sự; đồng nghĩa với việc từ bỏ quyền tranh tụng tại phiên tòa của bị đơn. Do đó không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét. Riêng về án phí, bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn thiếu sót nên cấp phúc thẩm bổ sung cho chính xác đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự theo quy định.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cụ thể xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại May mặc T số tiền 574.230.000 (năm trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng.

2. Buộc nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại May mặc T phải thanh toán cho bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A số tiền 84.834.000 (tám mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn) đồng.

Kể từ ngày một bên có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên kia chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đòi tính lãi trên số nợ gốc đối với bị đơn do nguyên đơn rút yêu cầu.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí tổng cộng là: 33.625.100 (ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn một trăm) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phản tố 5.448.800 (năm triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm) đồng, đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0023141 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 nên bị đơn phải nộp thêm số tiền án phí là: 28.176.300 (hai mươi tám triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm) đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí là: 4.241.700 (bốn triệu hai trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.484.600 (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0005522 ngày 18/5/2016 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.422.532 (hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm ba mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0023901 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 11.665.432 (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi hai) đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

do Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ A đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng, theo Biên lai thu số AA/2017/0046802 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Công Toại

